

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 của Bộ Tài chính (nay được thay thế bằng Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính) và Công văn số 3654/TCT-CS ngày 30 tháng 9 năm 2008 của Tổng cục thuế. Theo đó, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và được giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

Năm 2009 là năm thứ tư Công ty hoạt động liên tục có lãi từ sau khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31 tháng 7 năm 2009 của Cục thuế tỉnh Hà Giang, năm 2007 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế; từ năm 2008 trở đi Công ty sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi giảm 50% số thuế phải nộp với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Do chưa có sự thống nhất về ưu đãi thuế nêu trên nên Công ty đã tính và kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2010 theo quy định của Công văn số 555/CT-KTT.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon cho 6 tháng đầu năm 2010 là 7%. Theo Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế tài nguyên, thuế suất thuế tài nguyên khai thác quặng antimon áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2010 là 10%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CHỖ ĐÓNG NHẬT KÝ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	956.586.167	601.964.628
Tiền gửi ngân hàng	5.976.270.744	2.705.848.404
Các khoản tương đương tiền	129.625.255.502	56.575.571.334
	<b>136.558.112.413</b>	<b>59.883.384.366</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	12.000.000.000	35.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang	-	9.400.000.000
	<b>12.000.000.000</b>	<b>44.400.000.000</b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Lỗ của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân phải thu bên Trung Quốc (i)	2.493.754.252	2.493.754.252
Tiền đã chi hộ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân (ii)	4.655.866.399	4.655.866.399
Các khoản phải thu khác	1.555.733.975	1.338.834.058
	<b>8.705.354.626</b>	<b>8.488.454.709</b>

(i) Theo biên bản làm việc ngày 12 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH Kinh Mậu Chứng Thao (Trung Quốc), hai bên thống nhất bù trừ các khoản công nợ phải thu, phải trả và phân chia các quỹ giữa hai bên đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010.

(ii) Trong đó khoản tiền đã chi hộ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân bao gồm:

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên vật liệu	1.725.736.001	1.725.736.001
Công cụ, dụng cụ	116.280.974	116.280.974
Thành phẩm	2.453.296.298	2.453.296.298
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	746.004.491	746.004.491
Giá trị hao mòn lũy kế tài sản cố định hữu hình	(746.004.491)	(746.004.491)
Tài sản dài hạn khác	360.553.126	360.553.126
	<b>4.655.866.399</b>	<b>4.655.866.399</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.376.468.937	1.832.288.629
Công cụ, dụng cụ	359.870.517	424.609.743
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	565.140.592
Thành phẩm	3.930.246.996	3.181.518.530
<b>Cộng</b>	<b>7.666.586.450</b>	<b>6.003.557.494</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>7.666.586.450</b>	<b>6.003.557.494</b>

500 -  
G TY  
M HỮU  
ITTE  
NAM  
TP. V



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2011	8.036.207.588	9.145.478.480	2.592.993.681	250.247.699	20.024.927.448
Tăng trong kỳ	501.905.176	216.363.636	-	88.727.273	806.996.085
Mua trong kỳ	-	216.363.636	-	88.727.273	305.090.909
XDCB hoàn thành	501.905.176	-	-	-	501.905.176
Giảm trong kỳ	-	121.314.060	-	-	121.314.060
Thanh lý, nhượng bán	-	121.314.060	-	-	121.314.060
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b>8.538.112.764</b>	<b>9.240.528.056</b>	<b>2.592.993.681</b>	<b>338.974.972</b>	<b>20.710.609.473</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2011	5.863.082.919	5.750.349.640	1.290.170.871	229.802.700	13.133.406.130
Tăng trong kỳ	254.511.048	414.663.590	142.608.659	19.703.190	831.486.487
Khấu hao trong kỳ	254.511.048	414.663.590	142.608.659	19.703.190	831.486.487
Giảm trong kỳ	-	119.940.584	-	-	119.940.584
Thanh lý, nhượng bán	-	119.940.584	-	-	119.940.584
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b>6.117.593.967</b>	<b>6.045.072.646</b>	<b>1.432.779.530</b>	<b>249.505.890</b>	<b>13.844.952.033</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2011	2.420.518.797	3.195.455.410	1.160.214.151	89.469.082	6.865.657.440
Tại ngày 31/12/2010	2.173.124.669	3.395.128.840	1.302.822.810	20.444.999	6.891.521.318

Nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.954.840.314 đồng.

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2011	1.857.595.455	380.554.359	2.316.881.542	4.555.031.356
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b>1.857.595.455</b>	<b>380.554.359</b>	<b>2.316.881.542</b>	<b>4.555.031.356</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại ngày 01/01/2011	9.017.134	380.554.359	2.316.881.542	2.706.453.035
Khấu hao trong kỳ	9.064.099	-	-	9.064.099
<b>Số dư tại ngày 30/6/2011</b>	<b>18.081.233</b>	<b>380.554.359</b>	<b>2.316.881.542</b>	<b>2.715.517.134</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2011	1.839.514.222	-	-	1.839.514.222
Tại ngày 31/12/2010	1.848.578.321	-	-	1.848.578.321

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/6/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Thuế giá trị gia tăng	858.155.488	1.652.917.252
Thuế nhập khẩu	146.862.079	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.408.122.388	3.335.536.920
Thuế thu nhập cá nhân	54.354.720	15.345.600
Thuế tài nguyên	1.243.627.200	210.575.300
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	353.000	353.000
Các loại thuế khác	7.772.670	4.897.100
	<u>8.719.247.545</u>	<u>5.219.625.172</u>

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/6/2011</u> VND	<u>31/12/2010</u> VND
Kinh phí công đoàn	39.065.014	37.838.672
Cổ tức năm 2010 chưa trả	-	12.000.000.000
Cổ tức đợt 1 năm 2011	30.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	209.008.285	131.007.584
	<u>30.248.073.299</u>	<u>12.168.846.256</u>